

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS- ST

Ngày: 25 - 5 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Quy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Anh.

2. Bà Phan Thị Huệ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Xuân - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Minh Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ sự thụ lý số: 199/2022/TLST-DS ngày 22/12/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 31/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1973 và bà Vũ Thị D, sinh năm 1975.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Văn C là bà Vũ Thị D, theo giấy uỷ quyền ngày 28/02/2023 - có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1982 – vắng mặt.

Bà Lê Thị H2, sinh năm 1986 – có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Trương Văn C và bà Vũ Thị D, người đại diện theo uỷ quyền ông C là bà D trình bày: Ngày 25/02/2017 (âm lịch), bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1, địa chỉ thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắc Nông có vay của bà D số tiền

60.000.000 đồng, hạn 20 ngày sẽ trả. Giấy vay không thể hiện lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng.

Ngày 16/5/2019 (âm lịch), bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1, địa chỉ thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông tiếp tục vay của bà D số tiền 40.000.000 đồng, hạn 1 tháng sẽ trả, lãi suất 3%/tháng.

Mặc dù đã đến hạn trả nợ và đòi nhiều lần nhưng bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 không chịu trả gốc và lãi suất như thỏa thuận.

Nay ông Trương Văn C và bà Vũ Thị D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất 1,6%/ tháng kể từ khi vay đến nay.

Theo bị đơn bà Lê Thị H2 trình bày: Ngày 25/02/2017 (âm lịch), bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 có vay của bà Vũ Thị D số tiền 60.000.000 đồng, hạn 20 ngày sẽ trả, hợp đồng không thể hiện lãi suất nhưng các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng.

Ngày 16/5/2019 (âm lịch), bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 có vay của bà Vũ Thị D số tiền 40.000.000 đồng, hạn 1 tháng sẽ trả, lãi suất 3%/tháng.

Đến hạn trả nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà H2, ông H1 chưa trả được gốc và lãi của số tiền trên cho bà D, ông C.

Nay ông Trương Văn C và bà Vũ Thị D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất thì bà H2, ông H1 đồng ý trả nợ số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc, còn lãi suất thì xin không phải trả và trả dần tiền gốc mỗi năm trả 5.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả là ngày 20/10/2023 cho đến khi trả hết nợ số tiền 100.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn H1 giải quyết vụ án nhưng ông H1 đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, bà Vũ Thị D yêu cầu bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải trả số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất 1,6%/ tháng kể từ khi vay đến nay.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị H2 đồng ý trả nợ cho ông Trương Văn C và bà Vũ Thị D 100.000.000 đồng tiền gốc, còn lãi suất thì xin không phải trả và trả dần tiền gốc thì mỗi năm trả 5.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả là ngày 20/10/2023 cho đến khi trả hết nợ số tiền 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn H1 nhưng ông H1 vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại các điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người

tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn C và bà Vũ Thị D, buộc bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn Văn H1 phải trả cho ông C, bà D số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trương Văn C và bà Vũ Thị D yêu cầu bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải trả số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông H1, bà H2 có địa chỉ tại Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 25/02/2017 (âm lịch), bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 vay của bà Vũ Thị D số tiền 60.000.000 đồng, hạn 20 ngày sẽ trả. Giấy vay không thể hiện lãi suất, phía bà D, ông C xác định các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Phía bà H2 xác định các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Ngày 16/5/2019 (âm lịch), bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 tiếp tục vay của bà D số tiền 40.000.000 đồng, hạn 1 tháng sẽ trả, các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng.

Mặc dù đến hạn trả nợ và đòi nhiều lần nhưng bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 không trả gốc và lãi suất như thỏa thuận. Ông Trương Văn C và bà Vũ Thị D khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải trả số tiền gốc vay 100.000.000 đồng và lãi suất 1,6% từ khi vay đến nay.

Bà Lê Thị H2 thừa nhận ngày 25/02/2017 (âm lịch) có vay của bà Vũ Thị D số tiền 60.000.000 đồng hạn 20 ngày sẽ trả và 16/5/2019 (âm lịch) tiếp tục vay của bà Vũ Thị D số tiền 40.000.000 đồng, hạn 1 tháng sẽ trả, lãi suất 3%/tháng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chưa trả được nợ gốc và lãi suất, bà H2 đồng ý trả nợ cho ông C và D 100.000.000 đồng tiền gốc, còn lãi suất thì xin không phải trả và trả dần tiền gốc mỗi năm trả 5.000.000 đồng, thời gian bắt đầu trả là ngày 20/10/2023 cho đến khi trả hết nợ số tiền 100.000.000 đồng nhưng bà D, ông C không đồng ý.

Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực. Đến hạn trả nợ vay nhưng bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết ngày 25/02/2017 (âm lịch) và ngày 16/5/2019 (âm lịch), được quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà D nên ông C, bà D khởi kiện yêu cầu ông H1, bà H2 phải trả nợ số tiền vay 100.000.000 đồng và lãi suất là có căn cứ.

Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

...

Căn cứ giấy vay tiền ngày 25/02/2017 (âm lịch), bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 vay của bà Vũ Thị D số tiền 60.000.000 đồng, hẹn 20 ngày sẽ trả và 16/5/2019 (âm lịch) bà H2, ông H1 tiếp tục vay của bà D số tiền 40.000.000 đồng, hẹn 1 tháng sẽ trả, các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Việc các bên thỏa thuận vay tiền, thời hạn trả nợ và lãi suất là hoàn toàn tự nguyện. Bà H2, ông H1 cũng thừa nhận đến hạn trả nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không trả được số tiền gốc vay và lãi suất. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về lãi suất, theo giấy vay 25/02/2017 (âm lịch tức là ngày 22/3/2017 dương lịch) bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 vay của bà Vũ Thị D số tiền 60.000.000 đồng hẹn 20 ngày sẽ trả, giấy vay không thể hiện lãi suất, phía bà D, ông C xác định các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Phía bà H2 xác định các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng và có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất cụ thể: Từ ngày 22/3/2017 đến ngày 25/5/2023 là 73 tháng 03 ngày x 60.000.000 đồng x 10%/ năm = 36.550.000 đồng.

Theo giấy vay ngày 16/5/2019 (âm lịch tức là ngày 18/6/2019 dương lịch) bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 vay của bà Vũ Thị D số tiền 40.000.000 đồng, hẹn 1 tháng sẽ trả, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là vượt quá 20%/ năm là vi phạm khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bà D, ông C chỉ yêu cầu mức lãi suất 1,6%/ tháng là phù hợp và cần áp dụng khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự cụ thể: Từ ngày 18/6/2019 đến ngày 25/5/2023 là 47 tháng 06 ngày x 40.000.000 đồng x 1,6%/ tháng = 30.208.000 đồng.

Do đó cần buộc bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải trả cho bà Vũ Thị D, Trương Văn C số tiền gốc và lãi suất tổng cộng là 166.758.000 đồng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất.

“Điều 468. Lãi suất

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

... ”

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích, nhận định trên đây Hội đồng xét xử cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị D, Trương Văn C đối với bị đơn bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1. Buộc bà H2, ông H1 phải trả cho bà D, ông C tổng cộng số tiền là 166.758.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 66.758.000 đồng).

[5]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Thị H2, ông Nguyễn Văn H1 phải chịu tiền án phí trên số tiền 166.758.000 đồng $\times 5\% = 8.337.900$ đồng (làm tròn thành 8.338.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị D, ông Trương Văn C số tiền 5.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị D và ông Trương Văn C đối với bị đơn bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn Văn H1.

Buộc bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn Văn H1 phải trả cho bà Vũ Thị D và Trương Văn C số tiền 166.758.000đ (một trăm sáu mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng (trong đó số tiền gốc vay là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 66.758.000 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H2 và ông Nguyễn Văn H1 phải nộp 8.338.000đ (tám triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Vũ Thị D và ông Trương Văn C số tiền 5.500.000đ (năm triệu, năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị T đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005121 ngày 09/12/2022, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Quy